TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST
Ngày 17-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP N; trụ sở: Số 198 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Quang B, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Nam Bình Dương; Anh Bùi Đức L, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý nợ Chi nhánh Nam Bình Dương; địa chỉ: Số 121 đường ĐT 743B, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/10/2021). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1983; thường trú: Ấp 3, xã G, huyện Đ, tỉnh Đ; chỗ ở: 9/88, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh Trần Thanh T và Ngân hàng Thương mại Cổ phần n (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), chi nhánh Nam Bình Dương có giao kết và thực hiện giao dịch tín dụng cho vay thông qua Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế số 01510443. Nội dung thỏa thuận như sau:

Hạn mức tín dụng: 15.000.000 đồng.

Lãi suất cho vay: Thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong sao kê.

Phí phạt chậm thanh toán: 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng (trong đó trị giá thanh toán tối thiểu là 10% số dư sao kê kỳ trước cộng lũy kế trị giá thanh toán tối thiểu các kỳ trước). Ngoài ra, phí vượt hạn mức, phí và lãi khác thực hiện theo biểu phí do Ngân hàng quy định.

Sau khi giao kết hợp đồng, anh T đã thực hiện chi tiêu và rút tiền mặt nhiều lần thông qua thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành và thanh toán cho Ngân hàng một số lần. Cụ thể:

Chi tiêu: tổng cộng 72.744.669 đồng, đã thanh toán: 68.972.246 đồng, còn nợ: 3.772.423 đồng.

Rút tiền mặt: Tổng cộng 2.600.000 đồng, đã thanh toán 2.600.000 đồng.

Từ tháng 02/2019 đến nay anh Trần Thanh T không thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T thanh toán nợ nhưng anh T không thanh toán.

Nay do anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 17/5/2022 là 15.484.262 đồng, trong đó:

- Nợ gốc thẻ tín dụng: 3.772.423 đồng
- Lãi thẻ tín dụng: 2.449.295 đồng
- Phí chậm thanh toán: 9.262.544 đồng.

Đồng thời yêu cầu anh T tiếp tục chịu các khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 18/5/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn anh Trần Thanh T: Quá trình tố tụng anh Trần Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị đơn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 10/5/2022, 17/5/2022 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 10/5/2022 và ngày 17/5/2022 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn: Giao dịch tín dụng cho vay theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế số 01510443, ngày 03/8/2016 được giao kết giữa Ngân hàng TMCP N và bị đơn anh Trần Thanh T do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của các bên, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện.

[2.2] Quá trình tố tụng, anh Trần Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không xuất trình tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc thanh toán nợ cho Ngân hàng. Căn cứ các bản Sao kê tài khoản thẻ tín dụng Vietcombank visa; Bảng tổng hợp gốc, lãi, phí sao kê do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh T đã thực hiện chi tiêu, rút tiền mặt nhiều lần thông qua thẻ tín dụng nói trên với tổng số tiền là 75.344.669 đồng, đã thanh toán được 71.572.246 đồng, còn nợ 3.772.423 đồng. Từ tháng 02/2019 đến nay anh Trần Thanh T không thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn cho Ngân hàng. Căn cứ Biểu phí dịch vụ và lãi suất thẻ áp dụng cho khách hàng cá nhân tại Vietcombank thể hiện lãi suất thẻ tín dụng là 18%/năm; Phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu (phí phạt chậm thanh toán): 3% trị giá thanh toán tối thiểu, tối thiểu là 50.000 đồng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N yêu cầu buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 17/5/2022 là 15.484.262 đồng, trong đó nợ gốc thẻ tín dụng: 3.772.423 đồng; lãi thẻ tín dụng: 2.449.295 đồng và phí chậm thanh toán: 9.262.544 đồng là có căn cứ. Anh Trần Thanh T phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ theo thỏa thuận giữa hai bên.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Chi phí tố tụng khác: Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự là 4.689.818 đồng, bị đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã tạm ứng toàn bộ nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 4.689.818 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, các Điều 92, 147, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần n đối với bị đơn anh Trần Thanh T về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc anh Trần Thanh T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần n số tiền nợ theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế số 01510443, ngày 03/8/2016 tính đến hết ngày 17/5/2022 là 15.484.262 (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc thẻ tín dụng: 3.772.423 đồng; lãi thẻ tín dụng: 2.449.295 đồng, phí chậm thanh toán: 9.262.544 đồng.

1.2. Tiền lãi, phí chậm thanh toán được tiếp tục tính kể từ ngày 18/5/2022 cho đến khi anh Trần Thanh T trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất, phí thỏa thuận trong Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế số 01510443, ngày 03/8/2016.

2. Chi phí tố tụng khác: Chi phí Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.689.818 (bốn triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười tám) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng chi phí Ngân hàng Thương mại Cổ phần n đã nộp tại Tòa án. Anh Trần Thanh T phải thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần n số tiền 4.689.818 (bốn triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn tám trăm mười tám) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh T phải chịu 774.213 (bảy trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm mười ba) đồng. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần n 305.972 (ba trăm lẻ năm nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003286 ngày 15/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân